

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ XÃ HỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **974/QĐ - LĐT BXH**

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính
của các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 08/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-LĐT BXH ngày 08/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi và đối tượng

1.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan kết quả triển khai CCHC hàng năm của các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xác định được các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC của các đơn vị quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ.

- Xác định thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng đơn vị thuộc Bộ.

- Hàng năm chấm điểm Chỉ số CCHC của các đơn vị thuộc Bộ để làm căn cứ đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các đơn vị thuộc Bộ.

1.2. Yêu cầu

- Đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai cải cách hành chính theo định kỳ hàng năm ở các đơn vị thuộc Bộ.

- Hình thành được Hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất về việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các đơn vị thuộc Bộ.

1.3. Phạm vi và đối tượng

- Phạm vi áp dụng: Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Đối tượng áp dụng: Các đơn vị quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần, thang điểm và phương pháp đánh giá Chỉ số cải cách hành chính

2.1. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần áp dụng đối với các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ

Chỉ số CCHC được xác định trên 7 lĩnh vực, 27 tiêu chí và 30 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 3 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị: 3 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần;

c) Cải cách thủ tục hành chính/ thủ tục giải quyết công việc nội bộ: 5 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần;

d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị: 4 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;

đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 4 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

e) Đổi mới cơ chế tài chính: 2 tiêu chí;

g) Hiện đại hóa hành chính: 6 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC áp dụng đối với các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ quy định cụ thể tại Bảng 1 (kèm theo).

2.2. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ

Chỉ số CCHC được xác định trên 5 lĩnh vực, 19 tiêu chí và 28 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 3 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

b) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị: 3 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;

c) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 4 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;

d) Đổi mới cơ chế tài chính : 4 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

đ) Hiện đại hóa hành chính: 5 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần.

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ được quy định cụ thể tại Bảng 2 (kèm theo).

2.3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm đánh giá là 100;

- Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tương ứng tại Bảng 1, Bảng 2;

- Đối với các đơn vị thuộc Bộ không được giao triển khai một số lĩnh vực trong bảng tiêu chí, thì tổng điểm tối đa của các lĩnh vực còn lại đơn vị được giao thực hiện được tính theo tỷ lệ tương đương so với toàn bộ bảng tiêu chí khi đánh giá.

2.4. Tài liệu kiểm chứng

- Tài liệu kiểm chứng là các văn bản pháp luật, kế hoạch, báo cáo, tài liệu hướng dẫn, số liệu thống kê... đã được đơn vị ban hành (cụ thể: bản sao, chụp, scan theo định dạng PDF có đầy đủ, chữ ký);

- Các tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng yêu cầu các đơn vị giải trình rõ về cơ sở tính điểm và các số liệu liên quan;

- Các đơn vị ghi tên cụ thể các tài liệu kiểm chứng tại cột tài liệu kiểm chứng để chứng minh cho từng điểm đơn vị tự chấm về từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của CCHC.

2.5. Phương pháp đánh giá

- Tự đánh giá của các đơn vị

+ Tự đánh giá chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC của các đơn vị thuộc Bộ được thực hiện đối với năm trước liền kề của năm chấm điểm;

+ Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ tự theo dõi, đánh giá và chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo các tiêu chí, tiêu chí

thành phần được quy định trong Bảng 1 của Quyết định này và hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nếu có);

+ Các đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ tự theo dõi, đánh giá và chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bảng 2 của Quyết định này và hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nếu có).

- Điểm tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của các đơn vị sẽ được Tổ công tác thường trực CCHC của Bộ xem xét, thẩm định hoặc đề xuất điều chỉnh nếu thấy việc tự đánh giá, chấm điểm của đơn vị chưa phù hợp; trình Bộ xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Trách nhiệm của tất cả các đơn vị thuộc Bộ

- Triển khai kịp thời, đầy đủ việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của đơn vị theo Quyết định này, cụ thể:

+ Các đơn vị quản lý nhà nước: thực hiện theo Bảng 1.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập: thực hiện theo Bảng 2.

- Gửi báo cáo kết quả tự chấm điểm của đơn vị về Vụ Pháp chế trong quý I hàng năm (Bộ sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể nếu cần).

3.2. Trách nhiệm của các đơn vị đầu mối công tác CCHC của Bộ (Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Trung tâm Thông tin):

a) Vụ Pháp chế: là đơn vị thường trực công tác CCHC của Bộ, có trách nhiệm:

- Hàng năm xây dựng kế hoạch xác định Chỉ số CCHC của các đơn vị thuộc Bộ, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC.

- Đầu mối tiếp nhận kết quả tự đánh giá, chấm điểm CCHC của các đơn vị thuộc Bộ.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định sơ bộ kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ, báo cáo Tổ công tác thường trực CCHC của Bộ; chủ trì thẩm định kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ về các lĩnh vực: công tác chỉ đạo, điều hành; xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng, áp dụng theo ISO.

- Tổng hợp, báo cáo Tổ thường trực công tác cải cách hành chính của Bộ kết quả chấm điểm sơ bộ của các đơn vị thuộc Bộ.

b) Các đơn vị còn lại: có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế trong việc thẩm định sơ bộ kết quả tự chấm điểm CCHC của các đơn vị thuộc Bộ; chủ

trì thẩm định kết quả tự chấm của các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Vụ Tổ chức cán bộ: chủ trì thẩm định kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ về lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

- Vụ Kế hoạch – Tài chính: chủ trì thẩm định kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ về lĩnh vực đổi mới cơ chế tài chính.

- Trung tâm Thông tin: chủ trì thẩm định kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ về lĩnh vực hiện đại hóa hành chính (trừ việc xây dựng, áp dụng theo ISO).

3.3. Trách nhiệm của Tổ công tác thường trực cải cách hành chính của Bộ:

- Xem xét, thẩm định kết quả chấm điểm sơ bộ của các đơn vị thuộc Bộ do Vụ Pháp chế báo cáo, đề xuất điều chỉnh kết quả nếu thấy kết quả tự chấm và chấm sơ bộ của các đơn vị chưa chính xác, hợp lý.

- Trình Lãnh đạo Bộ xem xét, công nhận kết quả chấm điểm Chỉ số CCHC hàng năm của các đơn vị thuộc Bộ trước ngày 30/6 hàng năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC.



BẢNG 1
TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC BỘ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 974 /QĐ-LĐTĐ ngày 10/7/2015)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đánh giá của Bộ	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	17			
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)				
	<i>Ban hành kịp thời</i>	2			
	<i>Ban hành không kịp thời</i>	1			
	<i>Không ban hành</i>	0			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch ban hành (xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ)				
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ CCHC</i>	2			
	<i>Xác định không đầy đủ nhiệm vụ CCHC</i>	0			
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC				
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch</i>	3			
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch</i>	2			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch</i>	1			
	<i>Dưới 50% Kế hoạch</i>	0			
1.2	Báo cáo CCHC				
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	2			
	<i>Có báo cáo quý I và đúng hạn</i>	0,5			
	<i>Có báo cáo 6 tháng và đúng hạn</i>	0,5			
	<i>Có báo cáo quý III và đúng hạn</i>	0,5			
	<i>Có báo cáo năm và đúng hạn</i>	0,5			
1.2.2	Chất lượng báo cáo (đầy đủ nội dung, thông tin, số liệu minh họa)				
	<i>Đủ nội dung</i>	2			
	<i>Không đủ nội dung</i>	0			
1.3	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC				

1.3.1	Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC theo chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Bộ				
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời</i>	2			
	<i>Có thực hiện nhưng chưa đầy đủ, không kịp thời</i>	1			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
1.3.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC				
	<i>Có sáng kiến</i>	2			
	<i>Không có sáng kiến</i>	0			
1.3.3	Tham dự các cuộc họp, chỉ đạo điều hành của Bộ về cải cách hành chính				
	<i>Tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị của Bộ về CCHC</i>	1			
	<i>Tham gia không đầy đủ các cuộc họp, hội nghị của Bộ về CCHC</i>	0			
1.3.4	Sự tham gia của Lãnh đạo, cấp ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên về CCHC của đơn vị				
	<i>Có tham gia</i>	1			
	<i>Không tham gia</i>	0			
2.	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC LĨNH VỰC QLNN CỦA ĐƠN VỊ	15			
2.1	Mức độ thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản QPPL hàng năm của đơn vị đã được phê duyệt (đối với Thanh tra Bộ là tỷ lệ cơ quan, đơn vị được thanh tra theo kế hoạch được phê duyệt)				
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch</i>	4			
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch</i>	2			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch</i>	1			
	<i>Dưới 50% Kế hoạch</i>	0			
2.2	Chất lượng văn bản				
	<i>100% văn bản ban hành đáp ứng yêu cầu chất lượng và đúng quy định</i>	2			
	<i>Có văn bản ban hành chất lượng không đạt yêu cầu hoặc không đúng quy định</i>	0			
2.3	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về kiểm tra; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; tuyên truyền phổ biến pháp luật				
2.3.1	Công tác kiểm tra văn bản QPPL theo kế hoạch của Bộ				
	<i>Có triển khai và đạt yêu cầu theo kế hoạch</i>	2			

	<i>Không triển khai</i>	0		
2.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra			
	<i>100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý</i>	3		
	<i>Từ 80% đến dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý</i>	2		
	<i>Từ 50% đến dưới 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý</i>	1		
	<i>Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý</i>	0		
2.3.3	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo kế hoạch của Bộ			
	<i>Có triển khai và đạt yêu cầu theo kế hoạch</i>	2		
	<i>Không triển khai hoặc triển khai không đạt yêu cầu</i>	0		
2.3.4	Công tác tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn pháp luật			
	<i>100% kế hoạch</i>	2		
	<i>Từ 80% đến dưới 100% kế hoạch</i>	1		
	<i>Từ 50% đến dưới 80% kế hoạch</i>	0,5		
	<i>Dưới 50% kế hoạch</i>	0		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	17		
3.1	Rà soát quy định, thủ tục hành chính hàng năm			
3.1.1	Có nội dung đề xuất với Bộ			
	<i>Có đề xuất</i>	2		
	<i>Không có đề xuất</i>	0		
3.1.2	Kết quả thực hiện nội dung đề xuất			
	<i>Thực hiện sửa đổi hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan</i>	2		
	<i>Không có đề xuất sau rà soát</i>	0		
3.2	Công bố, công khai TTHC theo quy định của Chính phủ			
3.2.1	Công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và các quy định có liên quan			
	<i>Công bố đầy đủ, kịp thời các TTHC mới ban hành</i>	4		
	<i>Công bố đầy đủ nhưng không kịp thời các TTHC mới ban hành</i>	2		
	<i>Có công bố nhưng không đầy đủ</i>	1		
	<i>Không công bố</i>	0		
3.2.2	Niêm yết công khai TTHC tại trụ sở đơn vị			
	<i>Niêm yết công khai, đầy đủ:</i>	1		

	<i>Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ:</i>	0		
3.3	Thực hiện đánh giá tác động của TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL			
	<i>Đánh giá đầy đủ, đảm bảo chất lượng</i>	3		
	<i>Có đánh giá nhưng không đầy đủ hoặc chưa chất lượng</i>	1		
	<i>Không đánh giá</i>	0		
3.4	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC theo quy định của Bộ Tư pháp	2		
	<i>Báo cáo đầy đủ, kịp thời báo cáo năm</i>	1		
	<i>Báo cáo đầy đủ kịp thời báo cáo 6 tháng</i>	1		
	<i>Báo cáo không đầy đủ, không kịp thời hoặc không báo cáo</i>	0		
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền của đơn vị			
	<i>100% phản ánh, kiến nghị được xử lý kịp thời đúng quy định hoặc trong năm không có kiến nghị</i>	2		
	<i>Từ 80% đến dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý trong năm</i>	1		
	<i>Dưới 80% phản ánh, kiến nghị được xử lý trong năm</i>	0		
4	CẢI CÁCH T.CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	13		
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ về tổ chức bộ máy			
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	2		
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	0		
4.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị			
	<i>Có thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Bộ</i>	2		
	<i>Không thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Bộ</i>	0		
4.3	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác theo lĩnh vực được giao			
4.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra			
	<i>Có kế hoạch kiểm tra</i>	1		
	<i>Không có kế hoạch kiểm tra</i>	0		
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	3		
	<i>Từ 80% đến dưới 100% kế hoạch</i>	2		
	<i>Từ 50% đến dưới 80% kế hoạch</i>	1		

	<i>Dưới 50% kế hoạch</i>	0		
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra			
	<i>100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý</i>	3		
	<i>Từ 80% đến dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý</i>	2		
	<i>Từ 50% đến dưới 80% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý</i>	1		
	<i>Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý</i>	0		
4.4	Xây dựng, thực hiện quy chế làm việc của đơn vị			
	<i>Thực hiện đúng</i>	2		
	<i>Có vi phạm quy chế</i>	0		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	18		
5.1	Có Đề án vị trí việc làm được phê duyệt			
	<i>Có Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>	2		
	<i>Chưa được phê duyệt Đề án vị trí việc làm</i>	0		
5.2	Tuyển dụng và bố trí, sử dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Triển khai thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ về tuyển dụng công chức			
	<i>Đúng quy định</i>	1		
	<i>Không đúng quy định</i>	0		
5.2.2	Tỷ lệ bố trí công chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức			
	<i>Thực hiện đạt tỷ lệ 100%</i>	2		
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100%</i>	1		
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80%</i>	0,5		
	<i>Thực hiện dưới 50%</i>	0		
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức			
5.3.1	Tỷ lệ cán bộ công chức của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch, yêu cầu của Bộ			
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch</i>	2		
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch</i>	1		
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch</i>	0,5		

	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch</i>	0			
5.3.2	Việc tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về lĩnh vực QLNN đơn vị được giao phụ trách.				
	<i>Có tổ chức</i>	2			
	<i>Không tổ chức</i>	0			
5.4	Đổi mới công tác quản lý công chức				
5.4.1	Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao				
	<i>Thực hiện đầy đủ, hiệu quả</i>	3			
	<i>Thực hiện nhưng chưa đầy đủ</i>	1			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
5.4.2	Quy hoạch cán bộ và rà soát quy hoạch hàng năm				
	<i>Có thực hiện đúng quy định, tiến độ chỉ đạo của Bộ</i>	2			
	<i>Có thực hiện nhưng chưa đảm bảo tiến độ</i>	1			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
5.4.3	Trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức				
	<i>Không có công chức, viên chức vi phạm kỷ luật</i>	2			
	<i>Có công chức, viên chức vi phạm kỷ luật</i>	0			
5.4.4	Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy – Lãnh đạo đơn vị				
	<i>Có xây dựng</i>	2			
	<i>Không xây dựng</i>	0			
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	4			
6.1	Tham mưu phân bổ kế hoạch ngân sách hàng năm theo lĩnh vực Bộ giao				
	<i>Kịp thời, theo quy định</i>	2			
	<i>Không đúng quy định</i>	0			
6.2	Thực hiện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách đúng mục đích, đúng quy định				
	<i>Đúng quy định</i>	2			
	<i>Không đúng quy định</i>	0			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	16			
7.1	Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại đơn vị				
	<i>100% số lượng văn bản đi và đến của đơn vị được cập nhật và trao</i>	2			

	<i>đổi trên hệ thống eMolisa</i>			
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số lượng văn bản đi và đến của đơn vị được cập nhật và trao đổi trên hệ thống eMolisa</i>	1		
	<i>Từ 50% đến dưới 80% số lượng văn bản đi và đến của đơn vị được cập nhật và trao đổi trên hệ thống eMolisa</i>	0,5		
	<i>Không sử dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử hoặc số văn bản điện tử trao đổi trên hệ thống eMolisa dưới 50%</i>	0		
7.2	Việc sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc			
	<i>Sử dụng đầy đủ, thường xuyên và hiệu quả</i>	2		
	<i>Có sử dụng nhưng không đầy đủ, thường xuyên</i>	1		
	<i>Không sử dụng</i>	0		
7.3	Việc sử dụng thư điện tử trong trao đổi, giải quyết công việc của đơn vị với Bộ, các đơn vị khác thuộc Bộ			
	<i>Thực hiện đầy đủ, thường xuyên</i>	2		
	<i>Thực hiện nhưng không đầy đủ, thường xuyên</i>	1		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
7.4	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	4		
	<i>100% các dịch vụ công trực tuyến đạt mức 2</i>	1		
	<i>Từ 30 % trở lên dịch vụ công trực tuyến đạt mức 3</i>	2		
	<i>Từ 20% trở lên dịch vụ công trực tuyến đạt mức 4</i>	1		
7.5	Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị			
7.5.1	Công bố về việc áp dụng Hệ thống QLCL theo ISO			
	<i>Đã công bố (bao gồm danh mục các TTHC, quy trình giải quyết công việc áp dụng tiêu chuẩn ISO tại đơn vị)</i>	2		
	<i>Chưa công bố</i>	0		
7.5.2.	Duy trì, cập nhật, cải tiến ISO hàng năm			
	<i>Có duy trì</i>	2		
	<i>Không duy trì</i>	0		
7.6	Cung cấp thông tin lên Cổng thông tin điện tử của Bộ			
	<i>Cung cấp thông tin để đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Bộ kịp thời, đầy đủ</i>	2		
	<i>Không cung cấp thông tin để đăng tải kịp thời lên Cổng thông tin điện tử của Bộ hoặc cung cấp không đầy đủ, không kịp thời</i>	0		
	Tổng số điểm chấm tối đa	100		

BẢNG 2
TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP,
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP THUỘC BỘ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-LĐTĐ ngày)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đánh giá của Bộ	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	22			
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)				
	<i>Ban hành kịp thời</i>	2			
	<i>Ban hành không kịp thời</i>	1			
	<i>Không ban hành</i>	0			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch ban hành (xác định đầy đủ, cụ thể các nhiệm vụ CCHC)				
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ CCHC</i>	2			
	<i>Xác định không đầy đủ nhiệm vụ CCHC</i>	0			
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC				
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch</i>	3			
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch</i>	2			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch</i>	1			
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch</i>	0			
1.2	Báo cáo CCHC				
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)				
	<i>Có báo cáo quý I và đúng hạn</i>	1			
	<i>Có báo cáo 6 tháng và đúng hạn</i>	1			
	<i>Có báo cáo quý III và đúng hạn</i>	1			
	<i>Có báo cáo năm và đúng hạn</i>	1			
1.2.2	Chất lượng báo cáo (đầy đủ nội dung, thông tin, số liệu minh họa)				
	<i>Đảm bảo chất lượng và đủ nội dung</i>	2			

	Không đủ nội dung hoặc không đảm bảo chất lượng	0			
1.3	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC				
1.3.1	Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC theo chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Bộ				
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời</i>	3			
	<i>Có thực hiện nhưng chưa đầy đủ</i>	1			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
1.3.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC				
	<i>Có sáng kiến</i>	2			
	<i>Không có sáng kiến</i>	0			
1.3.3	Tham dự các cuộc họp, chỉ đạo điều hành của Bộ về cải cách hành chính				
	<i>Tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị của Bộ về CCHC</i>	2			
	<i>Tham gia không đầy đủ các cuộc họp, hội nghị của Bộ về CCHC</i>	0			
1.3.4	Sự tham gia của Lãnh đạo, cấp ủy, công đoàn, Đoàn Thanh niên về CCHC của đơn vị				
	<i>Có tham gia</i>	2			
	<i>Không tham gia</i>	0			
2	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	8			
2.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ về tổ chức bộ máy, biên chế				
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định:</i>	2			
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định:</i>	0			
2.2	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của Bộ				
	<i>Thực hiện đúng quy chế</i>	2			
	<i>Thực hiện không đúng quy chế</i>	0			
2.3	Thực hiện quy chế làm việc của đơn vị				
2.3.1	Việc ban hành quy chế làm việc của đơn vị				
	<i>Đã ban hành</i>	2			
	<i>Chưa ban hành</i>	0			
2.3.2	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của đơn vị				
	<i>Thực hiện đúng quy chế</i>	2			

	<i>Thực hiện không đúng quy chế</i>	0			
3	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC	20			
3.1	Có Đề án vị trí việc làm được phê duyệt				
	<i>Có Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>	2			
	<i>Chưa được phê duyệt Đề án vị trí việc làm</i>	0			
3.2	Tuyển dụng và bố trí, sử dụng cán bộ, viên chức				
3.2.1	Triển khai thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ về tuyển dụng cán bộ, viên chức				
	<i>Đúng quy định</i>	3			
	<i>Không đúng quy định</i>	0			
3.2.2	Tỷ lệ bố trí cán bộ, viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm				
	<i>Thực hiện đạt tỷ lệ 100%</i>	3			
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100%</i>	2			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80%</i>	1			
	<i>Thực hiện dưới 50%</i>	0			
3.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực				
3.3.1	Tỷ lệ cán bộ, viên chức của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch, yêu cầu của Bộ				
	<i>Thực hiện 100%</i>	3			
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100%</i>	2			
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80%</i>	1			
	<i>Thực hiện dưới 50%</i>	0			
3.3.2	Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức của đơn vị				
	<i>Có tổ chức</i>	2			
	<i>Không tổ chức</i>	0			
3.4	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, viên chức				
3.4.1	Đánh giá cán bộ, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao				
	<i>Thực hiện đầy đủ, hiệu quả</i>	3			
	<i>Thực hiện nhưng chưa đầy đủ</i>	1			

	<i>Không thực hiện</i>	0		
3.4.2	Quy hoạch cán bộ và rà soát quy hoạch hàng năm			
	<i>Có thực hiện đúng quy định, tiến độ chỉ đạo của Bộ</i>	2		
	<i>Có thực hiện nhưng chưa đảm bảo tiến độ</i>	1		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
3.4.3	Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy – Lãnh đạo đơn vị			
	<i>Có xây dựng</i>	2		
	<i>Không xây dựng</i>	0		
4	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH			
4.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của Chính phủ	30		
4.1.1	Về việc triển khai thực hiện cơ chế			
	<i>Đã thực hiện</i>	3		
	<i>Chưa thực hiện</i>	0		
4.1.2	Kết quả thực hiện cơ chế			
	<i>Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả</i>	4		
	<i>Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, chưa hiệu quả</i>	0		
4.2	Việc ban hành, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ			
4.2.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ			
	<i>Đã ban hành</i>	4		
	<i>Chưa ban hành</i>	0		
4.2.2	Tình hình triển khai thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ			
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy chế đã ban hành</i>	4		
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy chế đã ban hành</i>	0		
4.3	Việc ban hành, thực hiện quy chế quản lý tài sản công			
4.3.1	Ban hành quy chế			
	<i>Đã ban hành</i>	3		
	<i>Chưa ban hành</i>	0		
4.3.2	Tình hình triển khai thực hiện quy chế quản lý tài sản			
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy chế đã ban hành</i>	4		

	<i>Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy chế đã ban hành</i>	0			
4.4	Việc ban hành, thực hiện tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động				
4.4.1	Ban hành tiêu chí				
	<i>Đã ban hành</i>	4			
	<i>Chưa ban hành</i>	0			
4.4.2	Tình hình triển khai thực hiện tiêu chí				
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng tiêu chí đã ban hành</i>	4			
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng tiêu chí đã ban hành</i>	0			
5	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	20			
5.1	Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại đơn vị				
	<i>100 % số văn bản đi và đến của đơn vị được cập nhật và trao đổi trên hệ thống eMolisa</i>	4			
	<i>Từ 80 % đến dưới 100% số văn bản đi và đến của đơn vị được cập nhật và trao đổi trên hệ thống eMolisa</i>	3			
	<i>Từ 50 % đến dưới 80% số văn bản đi và đến của đơn vị được cập nhật và trao đổi trên hệ thống eMolisa</i>	2			
	<i>Không sử dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử hoặc số văn bản điện tử trao đổi trên hệ thống eMolisa dưới 50%</i>	0			
5.2	Việc sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc				
	<i>Sử dụng đầy đủ, thường xuyên và hiệu quả</i>	4			
	<i>Có sử dụng nhưng không đầy đủ, thường xuyên</i>	2			
	<i>Không sử dụng</i>	0			
5.3	Việc sử dụng thư điện tử trong trao đổi, giải quyết công việc của đơn vị với Bộ, các đơn vị khác thuộc Bộ				
	<i>Thực hiện đầy đủ, thường xuyên</i>	4			
	<i>Thực hiện nhưng không đầy đủ, thường xuyên</i>	2			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
5.4	Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị				
5.4.1	Công bố về việc áp dụng Hệ thống QLCL theo ISO				
	<i>Đã công bố (bao gồm danh mục các quy trình giải quyết công việc áp dụng tiêu chuẩn ISO tại đơn vị)</i>	3			

	<i>Chưa công bố</i>	0			
5.4.2.	Duy trì, cập nhật, cải tiến ISO hàng năm				
	<i>Có duy trì</i>	3			
	<i>Không duy trì</i>	0			
5.5	Cung cấp thông tin lên Cổng thông tin điện tử của Bộ				
	<i>Cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của bộ kịp thời, đảm bảo chất lượng</i>	2			
	<i>Không cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử của Bộ</i>	0			
	Tổng số điểm chấm tối đa	100			

www.LuatVietnam.vn